

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ~~6678~~ /UBND-TH
V/v dự kiến phân bổ kế
hoạch vốn đầu tư năm
2019 nguồn ngân sách
Trung ương

Quảng Ngãi, ngày ~~30~~ tháng 10 năm 2018

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính.

IT CONG BẢO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số:10062.....
	Ngày: 31.10.18
	Chuyên:

Thực hiện Công văn số 7446/BKHĐT-TH ngày 19/10/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2019, Nghị quyết số 26/2018/NQ-HĐND ngày 26/10/2018 của HĐND tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 11 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020, UBND tỉnh Quảng Ngãi xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 nguồn vốn ngân sách Trung ương và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính như sau:

I. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương năm 2018

1. Kế hoạch vốn và kết quả giải ngân

a) Về kế hoạch vốn: Năm 2018 Trung ương giao cho tỉnh là 1.554,135 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg là 128,224 tỷ đồng;

- Vốn Chương trình MTQG là 327,611 tỷ đồng, gồm:

+ Nông thôn mới: 144,200 tỷ đồng

+ Giảm nghèo bền vững: 183,411 tỷ đồng

- Vốn Chương trình mục tiêu là 318 tỷ đồng.

- Vốn Trái phiếu Chính phủ là 550 tỷ đồng

- Vốn ODA là 230,3 tỷ đồng

b) Kết quả giải ngân: Đến 30/9/2018, giải ngân 900,867 tỷ đồng, bằng 58% kế hoạch, trong đó:

- Vốn hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg là 128,224 tỷ đồng, bằng 60,8% kế hoạch;

- Vốn Chương trình MTQG là 184,331 tỷ đồng, bằng 56,3% kế hoạch:

+ Nông thôn mới là 91,536 tỷ đồng, bằng 63,5% kế hoạch

+ Giảm nghèo bền vững là 92,795 tỷ đồng, bằng 50,6% kế hoạch

- Vốn Chương trình mục tiêu là 208,368 tỷ đồng, bằng 65,5% kế hoạch

- Vốn Trái phiếu Chính phủ là 281,781 tỷ đồng, bằng 51,2% kế hoạch

- Vốn ODA là 148,371 tỷ đồng, bằng 64,4% kế hoạch

2. Các kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc

Trong năm 2018, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo; tổ chức trực báo hàng tháng, quý để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; tổ chức thực hiện đúng các qui định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật; tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ; đồng thời với sự nỗ lực, tích cực của các chủ đầu tư nên đến nay có một số dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương có kết quả thực hiện, giải ngân đạt khá như: Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương 100%, Đường Ba Tơ - Ba Trang - Ba Khâm (đoạn Ba Trang - Ba Khâm), cảng Bến Đình; Đê Phở Minh, Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010 – 2015, Dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020, Đường Ba Bích - Ba Nam giải ngân 98,5%...

Dự kiến đến cuối năm 2018, hoàn thành đưa vào sử dụng 02 công trình giao thông lớn từ nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ: Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương, Đường Ba Bích - Ba Nam (chưa kể các dự án nhỏ thuộc chương trình mục tiêu quốc gia).

Bên cạnh các kết quả đạt được, nhìn chung trong năm 2018, việc triển khai thực hiện các dự đầu tư trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, giải ngân vẫn còn chậm so với yêu cầu nhất là vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia và vốn TPCP, nguyên nhân chủ yếu do:

(1) Đối với các dự án thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới, theo quy định tại Khoản 1 Điều 7, Nghị định số 161/2016/NĐ-CP: Hình thức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thực hiện bởi cộng đồng được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu là: **tham gia thực hiện của cộng đồng**, trong thực tế, ở một số huyện, xã, nhất là ở miền núi, các tổ chức cộng đồng ở địa phương không tham gia thực hiện nên các chủ đầu tư lúng túng trong việc triển khai thực hiện dẫn đến chậm triển khai các dự án đã được UBND tỉnh phân khai.

(2) Một số dự án vướng bồi thường giải phóng mặt bằng và không được giải quyết dứt điểm, tiến độ thực hiện chưa đạt yêu cầu.

(3) Đối với dự án cầu Cửa Đại, hiện nay tiến độ triển khai rất khẩn trương. Tuy nhiên, trong năm 2018, đơn vị thi công tập trung hoàn trả tạm ứng của kế hoạch năm 2017 nên đến nay giải ngân mới đạt 51% kế hoạch, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân chung toàn tỉnh.

II. Lập kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2019

1. Tổng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2019

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công từ ngân sách Trung ương năm 2019 theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho tỉnh tại công văn số 7446/BKHĐT-TH ngày 19/10/2018 là **1.466,440 tỷ đồng**.

ĐVT: Triệu đồng

TT	NGUỒN VỐN	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch năm 2018	Dự kiến kế hoạch năm 2019	Ghi chú
	Tổng số	7.497.539	1.554.135	1.466.440	
I	Vốn trong nước	6.170.561	1.323.835	1.306.226	
1	Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg	115.402	128.224		
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia	2.191.099	327.611	652.936	
<i>i</i>	<i>Nông thôn mới</i>	<i>938.160</i>	<i>144.200</i>	<i>283.000</i>	
<i>ii</i>	<i>Giảm nghèo bền vững</i>	<i>1.252.939</i>	<i>183.411</i>	<i>369.936</i>	
3	Vốn Chương trình mục tiêu	2.428.560	318.000	503.290	
	+ Hoàn trả ứng trước	316.502	63.300	75.961	
	+ Phân bổ chi tiết	2.112.058	254.700	427.329	
4	Vốn trái phiếu Chính phủ	1.435.500	550.000	150.000	
	+ Giao thông	1.350.000	550.000	150.000	
	+ KCH trường lớp học	85.500			
II	Vốn nước ngoài	583.702	230.300	160.214	
	+ Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh	93.032	28.755	48.178	
	+ Các dự án khác	490.670	201.545	112.036	

2. Về căn cứ lập kế hoạch

- Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;
- Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;
- Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 và Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;
- Công văn số 7446/BKHĐT-TH ngày 19/10/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến phân bổ kế hoạch vốn NSNN năm 2019;
- Quyết định số 684^a/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách trung ương;
- Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020 (đợt 2);
- Căn cứ nhu cầu và khả năng huy động vốn đầu tư phát triển năm 2019 của tỉnh.

3. Về nguyên tắc

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

- Theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

- Phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020; đảm bảo tính cần thiết, hiệu quả và bền vững; hạn chế tình trạng đầu tư dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Chỉ bố trí kế hoạch vốn cho các chương trình, dự án đã đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; các dự án mới đến 31/10/2018 có quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

- Mức vốn kế hoạch năm 2019 của từng chương trình, dự án không vượt quá tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2018-2020 còn lại của chương trình, dự án.

4. Về thứ tự ưu tiên bố trí vốn

(1) Bố trí vốn để thanh toán tối thiểu 50% tổng số nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020 còn lại chưa thanh toán;

(2) Bố trí vốn để thu hồi tối thiểu 30% số vốn ứng trước nguồn NSTW dự kiến thu trong giai đoạn 2016-2020 còn lại chưa thu hồi;

(3) Bố trí đủ vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo dự kiến kế hoạch trung hạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(4) Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2019 theo tiến độ được duyệt;

(5) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ phê duyệt, bảo đảm bố trí vốn hoàn thành dự án theo đúng thời gian qui định tại Điều 13 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ;

(6) Dự án khởi công mới có đủ thủ tục đầu tư theo qui định của Luật Đầu tư công, các Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015, 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015, 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 và 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ

III. Dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách Trung ương năm 2019

Căn cứ vào khả năng nguồn vốn trung ương thông báo cho tỉnh và các nguyên tắc, tiêu chí nêu trên, dự kiến phân bổ **1.466,440 tỷ đồng** như sau:

1. Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia là **652,936 tỷ đồng**:

(1) **Chương trình xây dựng nông thôn mới:** Kế hoạch vốn trung hạn của chương trình là 1.042,400 tỷ đồng, đã bố trí đến hết năm 2018 là 319,680 tỷ đồng, còn lại 722,720 tỷ đồng; đăng ký kế hoạch vốn năm 2019 là **283,000 tỷ đồng**.

(2) **Chương trình giảm nghèo bền vững:** Kế hoạch vốn trung hạn của chương trình là 1.392,154 tỷ đồng, đã bố trí đến hết năm 2018 là 630,925 tỷ đồng, còn lại 761,229 tỷ đồng; đăng ký vốn năm 2019 là **369,936 tỷ đồng**.

Đối với 02 Chương trình MTQG Nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững, UBND tỉnh sẽ xây dựng kế hoạch năm 2019 theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí được Trung ương hướng dẫn.

3. Vốn các Chương trình mục tiêu là 503,290 tỷ đồng

Căn cứ 06 thứ tự ưu tiên như trên, UBND tỉnh dự kiến phân bổ nguồn vốn này như sau:

(1) Bố trí thu hồi tối thiểu 20% vốn ứng trước: Tại Công văn số 7446/BKHĐT-TH ngày 19/10/2018, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã yêu cầu thu hồi các khoản ứng trước của các chương trình mục tiêu của tỉnh là **75,961 tỷ đồng**; UBND tỉnh dự kiến hoàn ứng cho các danh mục đã ứng, tương ứng với số vốn là **75,961 tỷ đồng**.

(3) Bố trí vốn đối ứng các dự án ODA và vốn vay ưu đãi: UBND tỉnh Quảng Ngãi bố trí vốn đối ứng các dự án ODA của tỉnh từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, không sử dụng vốn chương trình mục tiêu từ ngân sách Trung ương.

- Sau khi bố trí như trên, còn lại **427,329 tỷ đồng**, phân bổ chi tiết cho 09 Chương trình, cụ thể như sau:

(1) Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng:

- Tổng kế hoạch vốn trung hạn của chương trình là 752,646 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018 là 456,340 tỷ đồng, còn lại 296,306 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2019 là **139,629 tỷ đồng**, bố trí cho 05 dự án chuyển tiếp. Trong đó:

- + Đường tránh lũ Bình Minh - Bình Khương là 20 tỷ đồng
- + Đường Ba Bích - Ba Nam là 15 tỷ đồng
- + Cảng Bến Đình là 50 tỷ đồng
- + Đường Ba Tư - Ba Trang - Ba Khâm (đoạn Ba Trang - Ba Khâm) là 24 tỷ đồng
- + Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi -Chợ Chùa là 30,629 tỷ đồng

(2) Chương trình Phát triển kinh tế thủy sản bền vững:

- Tổng kế hoạch vốn trung hạn của chương trình là 237,304 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018 là 171 tỷ đồng, còn lại 66,304 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2019 là **60 tỷ đồng, cho 02 dự án**

+ Bố trí chuyển tiếp dự án Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn II) là 50 tỷ đồng

+ Bố trí khởi công mới 01 dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá Cổ Lũy, thành phố Quảng Ngãi (giai đoạn 1) là 10 tỷ đồng

(3) Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 25 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018 là 12 tỷ đồng, còn lại 13 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2019 là **6 tỷ đồng**, tiếp tục bố trí để thực hiện dự án chuyển tiếp là Nâng cao Năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020.

(4) Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống nhân dân:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 132 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018 là 32 tỷ đồng, còn lại 100 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2019 là **35 tỷ đồng** thực hiện chuyển tiếp 02 dự án
+ Đề Phở Minh (giai đoạn 1) là 15 tỷ đồng

+ Các tuyến đề huyện Bình Sơn: Đập ngăn mặn Trà Bồng là 20 tỷ đồng

(5) Chương trình Đầu tư hạ tầng KKT ven biển, KCN, Cụm Công nghiệp (hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất):

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 550,536 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018 là 373 tỷ đồng, còn lại 177,536 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2019 là **75,7 tỷ đồng**, cho 03 dự án. Trong đó:

+ Bố trí 02 dự án chuyển tiếp là: (1) Xây dựng đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường 25,7 tỷ đồng; (2) Các tuyến đường trục vào KCN nặng Dung Quất phía Đông 20 tỷ đồng

+ Bố trí khởi công mới 01 dự án: Tuyến đường trục liên cảng Dung Quất 1 là 30 tỷ đồng

(6) Chương trình phát triển hạ tầng du lịch:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 63,980 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018 là 26,499 tỷ đồng, còn lại 37,481 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2019 là **27 tỷ đồng** để thực hiện chuyển tiếp dự án Cơ sở hạ tầng Khu du lịch Mỹ Khê.

(7) Chương trình An ninh trên địa bàn trọng điểm:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 20 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018 là 12 tỷ đồng, còn lại 8 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2019 là **04 tỷ đồng**, tiếp tục bố trí để thực hiện dự án chuyển tiếp là Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010 - 2015.

(8) Chương trình Biển Đông hải đảo:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 253,592 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018 là 113 tỷ đồng, còn lại 140,592 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2019 là **50 tỷ đồng**, tiếp tục bố trí để thực hiện dự án chuyển tiếp là Đường cơ động phía Đông Nam Đảo Lý Sơn (giai đoạn 3).

(9) Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 67 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018 là 37,9 tỷ đồng, còn lại 29,1 tỷ đồng.

- Dự kiến kế hoạch năm 2019 là **20 tỷ đồng**, tiếp tục bố trí để thực hiện chuyển tiếp là dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2013-2020.

(10) Chương trình Y tế - Dân số

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 10 tỷ đồng. Dự kiến bố trí khởi công mới dự án Trung tâm Nội tiết tỉnh Quảng Ngãi là **10 tỷ đồng**.

(Chi tiết theo Phụ lục I)

4. Vốn trái phiếu Chính phủ là 150 tỷ đồng:

- Tổng kế hoạch trung hạn của chương trình là 1.435,500 tỷ đồng; kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018 là 1.435,500 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch vốn trung hạn.

- Dự kiến kế hoạch năm 2019 là **150 tỷ đồng**, tiếp tục bố trí để thực hiện chuyển tiếp là dự án Cầu Cửa Đại từ nguồn dự phòng của Chương trình để tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong năm 2018

(Chi tiết theo Phụ lục II)

Ngoài ra, đối với nguồn Trái phiếu Chính phủ đầu tư kiên cố trường lớp học nguồn dự phòng của tỉnh còn 9,5 tỷ đồng, đề nghị trung ương giao trong kế hoạch năm 2019 để tỉnh chủ động xây dựng phương án phân bổ và triển khai xây dựng.

(Chi tiết theo Phụ lục IV)

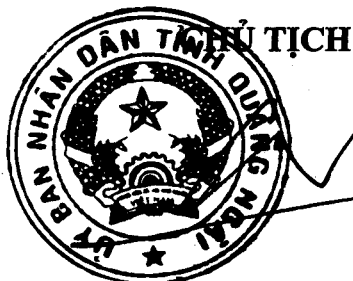
5. Vốn nước ngoài (ODA) là 160,214 tỷ đồng: Dự kiến bố trí cho Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh là 48,178 tỷ đồng, còn lại 112,036 tỷ đồng bố trí cho các dự án thuộc các ngành tài nguyên và môi trường, giáo dục, y tế.

(Chi tiết phụ lục V và VI)

UBND tỉnh kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, P.N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, P. Thhtlván292.



Trần Ngọc Căng



TỔNG KẾ HOẠCH VỐN TRUNG ƯƠNG DỰ KIẾN NĂM 2019
 (Kế hoạch được UBND tỉnh Quảng Ngãi số 6678/UBND-TH ngày 30/10/018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2019	Ghi chú
	Tổng số	7.497.539	1.466.440	
I	Vốn trong nước	6.170.561	1.306.226	
1	Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg	115.402		
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia	2.191.099	652.936	
<i>i</i>	<i>Nông thôn mới</i>	<i>938.160</i>	<i>283.000</i>	
<i>ii</i>	<i>Giảm nghèo bền vững</i>	<i>1.252.939</i>	<i>369.936</i>	
3	Vốn Chương trình mục tiêu	2.428.560	503.290	<i>TW giao chi tiết theo Phụ lục I</i>
	+ Hoàn trả ứng trước	<i>316.502</i>	<i>75.961</i>	
	+ Phân bổ chi tiết	<i>2.112.058</i>	<i>427.329</i>	
4	Vốn trái phiếu Chính phủ	1.435.500	150.000	<i>TW giao chi tiết theo Phụ lục II</i>
	+ Giao thông	<i>1.350.000</i>	<i>150.000</i>	
	+ KCH trường lớp học	<i>85.500</i>		
II	Vốn nước ngoài	583.702	160.214	<i>TW giao chi tiết theo Phụ lục V và VI</i>
	+ Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh	<i>93.032</i>	<i>48.178</i>	
	+ Các dự án khác	<i>490.670</i>	<i>112.036</i>	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

STT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Hạng mục chính	Thời gian KCS-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg phê duyệt kế hoạch các năm	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016-2020 đã được phê duyệt										Năm 2018				Kế hoạch vốn đã bổ trợ đầu tư kế hoạch năm 2018		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2019				Ghi chú		
						Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016-2020 đã được phê duyệt					Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016-2020 đã được phê duyệt					Kế hoạch năm 2018 đã được phê duyệt		Ghi nhận kế hoạch năm 2018 từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/9/2018										
						Số quyết định, nghị, thông, năm ban hành	THPT		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trung hạn NSTW			Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trung hạn NSTW			Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trung hạn vốn NSTW	Tổng số	Trung hạn vốn NSTW	Tổng số	Trung hạn vốn NSTW						
							Tổng số	Trung hạn NSTW		Tổng số	Thị trấn các khu vực đang triển khai NSTW	Thành phố huyện		Tổng số	Thị trấn các khu vực đang triển khai NSTW	Thành phố huyện												
																							Tổng số	Trung hạn NSTW	Tổng số		Thị trấn các khu vực đang triển khai NSTW	Thành phố huyện
30	Đường trục chính KTX An Thịnh (cải tạo)	Độc Phố	4,2 km	2013-2016	172/QĐ-UBND, ngày 8/11/2012		117.147	37.256	54.499	16.499		16.499	16.499				50.499	50.499										
(1)	Dự án chuyển cấp hoàn thành năm 2019						51.895	51.895	37.481	47.481	-	-	18.000	18.000	-	18.000	18.000	6.165	6.165	10.000	10.000	27.000	27.000	-	-			
	Dự án nhiệm 2																											
31	Cơ sở hạ tầng Khu du lịch Mỹ Khê	TP. Quảng Ngãi	hết rừng đường trục chính 1,7km	2017-2020	115/QĐ-UBND, ngày 23/01/2017		51.895	51.895	37.481	47.481		10.000	10.000		10.000	10.000	6.165		10.000	10.000	27.000	27.000						
VII	Chương trình mục tiêu quốc gia, an ninh trên địa bàn trọng điểm						509.971	509.971	20.000	20.000	-	-	12.000	12.000	-	4.000	4.000	4.000	4.000	81.800	81.800	4.000	4.000	-	-			
(1)	Dự án chuyển cấp hoàn thành năm 2019						509.971	509.971	20.000	20.000	-	-	12.000	12.000	-	4.000	4.000	4.000	4.000	81.800	81.800	4.000	4.000	-	-			
	Dự án nhiệm 2																											
32	Bãi bãi biển mới, với số vốn kết lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010 - 2015	Tỉnh Quảng Ngãi	20.200 ha		1310/QĐ-UBND, 31/8/2011		509.971	509.971	20.000	20.000		12.000	12.000		4.000	4.000	4.000		81.800	81.800	4.000	4.000	-	-				
VIII	Chương trình mục tiêu Quốc gia-Đầu tư xây dựng hạ tầng cho hình vực quốc gia, an ninh trên biển và hải đảo						608.000	608.000	253.592	253.592	-	2.250	113.000	113.000	-	2.250			113.000	113.000	50.000	50.000	-	-				
(1)	Dự án chuyển cấp hoàn thành năm 2019						608.000	608.000	253.592	253.592	-	2.250	113.000	113.000	-	2.250			113.000	113.000	50.000	50.000	-	-				
	Dự án nhiệm 2																											
33	Đường cơ động phía đông nam Đảo Lý Sơn (giai đoạn 3)	Tỉnh Quảng Ngãi	4.433m đường vì an ninh biển cấp tốc	2016-2020	2490/QĐ-UBND ngày 31/12/2015		608.000	608.000	253.592	253.592		2.250	113.000	113.000		2.250			113.000	113.000	50.000	50.000	-	-				
IX	Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo						806.043	130.000	84.000	67.000	-	-	41.900	37.900	-	8.900	4.900	4.900	4.900	37.900	37.900	23.000	20.000	-	-			
(1)	Dự án chuyển cấp hoàn thành năm 2019						806.043	130.000	84.000	67.000	-	-	41.900	37.900	-	8.900	4.900	4.900	4.900	37.900	37.900	23.000	20.000	-	-			
	Dự án nhiệm 2																											
34	Dự án Cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020	Toàn tỉnh		2016-2020	896/QĐ-UBND ngày 20/02/2014		806.043	130.000	84.000	67.000		41.900	37.900		8.900	4.900	4.900	4.900	37.900	37.900	23.000	20.000	-	-				
X	Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số						50.000	50.000	10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000	10.000	-	-				
(1)	Dự án hành động quốc gia năm 2019						50.000	50.000	10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.000	10.000	-	-				
	Dự án nhiệm 2																											
35	Trung tâm Hội chợ tỉnh Quảng Ngãi	TPQN	3.252 m2	2019-2022	1875/QĐ-UBND ngày 10/10/2016		50.000	50.000	10.000	10.000											10.000	10.000	-	-				



Biên mẫu số II

(Biên mẫu kèm theo văn bản số 7446/BKHĐT-TH ngày 19/10/2018)

Tỉnh Quảng Ngãi

Phụ lục II

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019 TRONG NƯỚC (KHÔNG BAO GỒM TPCP) NĂM 2018 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019 CỦA ĐỊA PHƯƠNG

(Theo công văn số 48/UBND-TH ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Hình thức thiết kế	Thời gian KC-HT	 Quản lý đầu tư, giám sát và QC đầu tư xây dựng các công trình và dự án kế hoạch các	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 vốn TPCP						Năm 2018				Lấy kế vốn để bố trí đến hết KH năm 2018		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn TPCP năm 2019		Ghi chú				
							Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 vốn TPCP đã được giao			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 vốn TPCP đã giao các năm 2016-2018			Kế hoạch năm 2018 được giao		Giải ngân kế hoạch năm 2018 từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/9/2018										
							Số quyết định, nghị, thông, năm ban hành	THĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TT trong đó: vốn TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn TPCP	Tổng số	Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn TPCP		Thu hồi các khoản ứng trước TPCP	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản ứng trước TPCP	Thanh toán nợ XDCB									Thu hồi các khoản ứng trước TPCP	Thanh toán nợ XDCB
	Tổng số						2.250.000	1.500.000	1.350.000	-	-	800.000	-	-	550.000	550.000	-	281.781	1.367.000	1.350.000	150.000	-	-		
I	Nhà máy điện						2.250.000	1.500.000	1.350.000	-	-	800.000	-	-	550.000	550.000	-	281.781	1.367.000	1.350.000	150.000	-	-		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018																								
	Dự án nhóm A																								
1	Cầu Cửa Đại			Tổng chiều dài dự án là 3,7km, trong đó cầu 1,825km	2017-2020	468/QĐ-UBND ngày 20/3/2017	2.250.000	1.500.000	1.350.000			800.000			550.000	550.000		281.781	1.367.000	1.350.000	150.000				

Biểu mẫu số IV

(Biểu mẫu kèm theo văn bản số 7446/BKHĐT-TH ngày 19/10/2018)

Tỉnh Quảng Ngãi

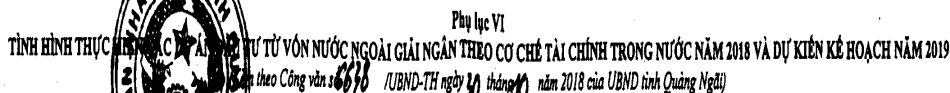
Phụ lục IV

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ĐẦU TƯ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN TPCP NĂM 2019 TỪ NGUỒN 10% DỰ PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN TPCP GIAI ĐOẠN 2016-2020

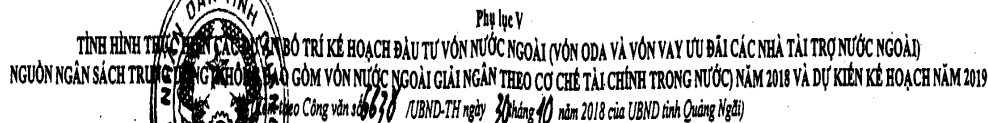
Kèm theo công văn số 1088/UBND-TH ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi



TT	Đanh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế		Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có)		Kế hoạch vốn TPCP đã được giao giải đoạn 2016-2020	Lấy kế vốn để bổ trợ từ kết công đến hết kế hoạch năm 2018		Vốn TPCP được giao giải đoạn 2016-2020 còn lại chưa phân bổ kế hoạch hằng năm	Dữ xuất kế hoạch năm 2009				Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		TMBT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP			
							Tổng số	Trong đó: vốn TPCP			Tổng số	Trong đó: vốn TPCP					Tổng số		Thu hồi ứng trước	Thanh toán dự định XDCH
	Tổng số					2.250.000	1.500.000			TP Quảng Ngãi	1.435.500	1.452.500	1.435.500		369.500	159.500	-	-		
I	Ngành giao thông					2.250.000	1.500.000			TP Quảng Ngãi	1.350.000	1.367.000	1.350.000		360.000	150.000	-	-		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018																			
	Dự án nhóm A																			
1	Cầu Cửa Đại		Tổng chiến dài dự án là 3,7km, trong đó cầu 1.876m	2017-2020	468/QĐ-UBND ngày 20/3/2017	2.250.000	1.500.000			TP Quảng Ngãi	1.350.000	1.367.000	1.350.000		360.000	150.000				
II	Chương trình hỗ trợ bổ trợ trường lớp học và nhà ở cho học sinh										85.500	85.500	85.500		8.600	8.600	-	-		
	Dự án Đầu tư Xây dựng phòng lớp học và nhà ở cho học sinh Trường THCS Nguyễn Bá Loan, xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức									Mộ Đức					9.500	9.500				



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư bổ sung của Chính phủ giao đầu tư xây dựng																	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020											Lấy kế vốn đã bố trí đến hết KHI năm 2018						Kế hoạch năm 2018 được giao						Dự kiến kế hoạch năm 2019						Chú thích
					Số quyết định	TMBT				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được giao						Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã giao các năm 2016-2018						Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó:																
						Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tổng các nguồn vốn)	Trong đó:																							
							NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác	Vốn nước ngoài		NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác	Vốn nước ngoài		NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác	Vốn nước ngoài		NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác	Vốn nước ngoài			NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác			Vốn nước ngoài	NSTW		NSDP và các nguồn vốn khác	Vốn nước ngoài																			
																																	Tổng số		NSDP và các nguồn vốn khác	Vốn nước ngoài															
7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37																					
	TỔNG SỐ					352.134	106.747	-	106.747	245.387	227.157	37.770	-	37.770	189.387	125.802	32.770	-	32.770	93.032	189.374	48.892	-	48.892	141.033	34.228	5.453	-	5.453	28.775	53.178	5.000	-	5.000	48.178																
	CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH					352.134	106.747	-	106.747	245.387	227.157	37.770	-	37.770	189.387	125.802	32.770	-	32.770	93.032	189.374	48.892	-	48.892	141.033	34.228	5.453	-	5.453	28.775	53.178	5.000	-	5.000	48.178																
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2018					285.979	56.947	-	56.947	149.032	125.802	32.770	-	32.770	93.032	125.802	32.770	-	32.770	93.032	189.374	48.892	-	48.892	141.033	34.228	5.453	-	5.453	28.775	-	-	-	-																	
b	Dự án nhóm B					184.903	54.903	-	54.903	130.000	114.770	32.770	-	32.770	82.000	114.770	32.770	-	32.770	82.000	178.892	48.892	-	48.892	130.000	32.453	5.453	-	5.453	27.000	-	-	-	-																	
1	Xây dựng hệ thống đê bao nuôi ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển du lịch khu vực xã Tịnh Kỳ và phần Đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	Xây dựng mới tuyến đê, hồ với chiều dài 3.574,8m	2015-2019	1370/QĐ-UBND, 1340/2015, 400/QĐ-UBND, 073/2018	184.903	54.903	-	54.903	130.000	114.770	32.770	-	32.770	82.000	114.770	32.770	-	32.770	82.000	178.892	48.892	-	48.892	130.000	32.453	5.453	-	5.453	27.000	-	-	-	-																	
c	Dự án nhóm C					21.076	2.044	-	2.044	19.032	11.032	-	-	-	11.032	11.032	-	-	-	11.032	11.032	-	-	-	11.032	1.775	-	-	-	1.775	-	-	-	-																	
1	Trồng rừng ngập mặn ven biển các xã Bình Phước, Bình Đông, Bình Dương huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Bình Sơn	107,448 ha	2015-2019	1369/QĐ-UBND, 12/8/2015	21.076	2.044	-	2.044	19.032	11.032	-	-	-	11.032	11.032	-	-	-	11.032	11.032	-	-	-	11.032	1.775	-	-	-	1.775	-	-	-	-																	
(4)	Dự án khởi công mới năm 2018					146.155	49.800	-	49.800	96.355	101.355	5.000	-	5.000	96.355	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	53.178	5.000	-	5.000	48.178																	
b	Dự án nhóm B					146.155	49.800	-	49.800	96.355</																																									



TT	Định mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mạng lưới thiết kế	Thời gian KC HT	Ngày thi công	Ngày ký Hợp đồng	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc lĩnh vực giao thông năm 2016-2020								Lấy kế vốn để giải ngân đến hết năm 2017				Kế hoạch năm 2018				Dự kiến kế hoạch năm 2019				Ghi chú					
							Số quyết định	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020				Tổng số	Vốn đối ứng		Tổng số	Vốn ngoại cấp phát từ NSTW (tính theo bản Việt)		Tổng số	Vốn ngoại cấp phát từ NSTW (tính theo bản Việt)		Tổng số	Vốn ngoại cấp phát từ NSTW (tính theo bản Việt)		Tổng số				
									Trong đó:			Vốn đối ứng	Trong đó:		Vốn ngoại cấp phát từ NSTW (tính theo bản Việt)		Vốn ngoại cấp phát từ NSTW (tính theo bản Việt)															
									Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài			Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài																		
									Tổng số	Trong đó: NST W			Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW				Tổng số		Trong đó: NSTW	Tổng số		Trong đó: NSTW	Tổng số		Trong đó: NSTW			Tổng số	Trong đó: NSTW		
									Tổng số	Tình hình ngoại tệ			Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW				Tổng số		Thanh toán nợ đọng XDCB	Tư bất các khoản vốn ứng trước		Tổng số	Thanh toán nợ đọng XDCB		Tư bất các khoản vốn ứng trước			Tổng số	Thanh toán nợ đọng XDCB	Tư bất các khoản vốn ứng trước	
I	TỔNG SỐ						330.272	32.299	-	-	837.874	731.299	313.044	69.074	-	-	453.970	187.132	23.941	-	(63.191)	230.023	28.500	-	-	201.576	123.780	11.744	-	-	112.636	
I	NGÂN HÀNG NGHIỆP, GIÁM NGHỆO						675.543	34.253	-	-	639.291	599.341	378.770	29.574	-	-	349.196	176.411	17.620	-	158.791	126.240	6.700	-	-	119.540	60.046	9.674	-	-	50.372	
(3)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019						337.818	18.477	-	-	319.341	319.341	221.770	12.574	-	-	209.196	167.291	8.500	-	158.791	68.803	2.500	-	-	66.303	1.574	1.574	-	-	-	
b	Dự án nhóm B						337.818	18.477	-	-	319.341	319.341	221.770	12.574	-	-	209.196	167.291	8.500	-	158.791	68.803	2.500	-	-	66.303	1.574	1.574	-	-	-	
i	Giao nhận khu vực Tây Nguyên - tỉnh Quảng Ngãi	Sơn Hà, Sơn Tây, Ba Tơ	Phát triển CSHT cấp xã, thôn, bản; Phát triển sinh kế bền vững; Nâng cao năng lực	2015-2018	WB	24/4/2014	1534/QĐ-UBND, 23/10/2013	337.818	18.477	-	15.206 triệu USD	319.341	319.341	221.770	12.574	-	-	209.196	167.291	8.500	-	158.791	68.803	2.500	-	-	66.303	1.574	1.574	-	-	-
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019						337.725	17.775	-	-	319.950	240.000	157.000	17.000	-	-	140.000	9.120	9.120	-	57.465	4.200	-	-	-	53.265	58.472	8.100	-	-	50.372	
b	Dự án nhóm B						337.725	17.775	-	-	319.950	240.000	157.000	17.000	-	-	140.000	9.120	9.120	-	57.465	4.200	-	-	-	53.265	58.472	8.100	-	-	50.372	
i	Sửa chữa và nâng cấp mìn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (WB)	Các huyện	Sửa chữa 19 hồ chứa nước đã xuống cấp trên địa bàn tỉnh	2016-2022	WB	08/4/2016	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	337.725	17.775	-	14,22 triệu USD	319.950	240.000	157.000	17.000	-	-	140.000	9.120	9.120	-	57.465	4.200	-	-	-	53.265	58.472	8.100	-	-	50.372
II	NGÂN HÀNG GIAO DỤC BẢO VỆ						28.600	6.600	-	-	22.000	22.000	21.441	5.500	-	-	15.941	5.521	1.121	-	4.400	7.554	3.000	-	-	4.554	7.687	700	-	-	6.987	
(3)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019						28.600	6.600	-	-	22.000	22.000	21.441	5.500	-	-	15.941	5.521	1.121	-	4.400	7.554	3.000	-	-	4.554	7.687	700	-	-	6.987	
b	Dự án nhóm B						28.600	6.600	-	-	22.000	22.000	21.441	5.500	-	-	15.941	5.521	1.121	-	4.400	7.554	3.000	-	-	4.554	7.687	700	-	-	6.987	
i	Giao dịch trung học khi không phải (gửi đơn 2)	Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức	Xây dựng 06 trường THCS	2015-2018	ADB	23/01/2015	960/QĐ-UBND, 12/6/2015	28.600	6.600	-	01 triệu USD	22.000	22.000	21.441	5.500	-	-	15.941	5.521	1.121	-	4.400</										

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký Hiệp định	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm										Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020					Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2017			Kế hoạch năm 2018					Dự kiến kế hoạch năm 2019					Chú thích															
							Số quyết định	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Tổng số	Trong đó:																	
									Trong đó: NSTW	Trong đó: Tỉnh bằng ngoại tệ			Trong đó: cấp phát từ NSTW	Trong đó: Tỉnh			Trong đó: Tỉnh	Trong đó: Tỉnh			Trong đó: Tỉnh	Trong đó: Tỉnh			Trong đó: Tỉnh	Trong đó: Tỉnh			Trong đó: Tỉnh	Trong đó: Tỉnh			Trong đó: Tỉnh	Trong đó: Tỉnh		Trong đó: Tỉnh														
																																					Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài
12	Hỗ trợ xử lý chất thải Bùn vữa địa phương tỉnh Quảng Ngãi					1967/QĐ-UBND, 30/10/2015	29.199	4.593	-	1,09 triệu USD	24.606	24.606	23.359	3.000	-	-	-	20.359	1.200	1.200	-	-	15.406	800	-	-	-	14.606	-	-	-	-	-																	
IV	NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG						107.000	18.250	-	-	88.750	62.125	4.677	-	-	-	-	4.677	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.047	1.370	-	-	-	4.677																	
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019						107.000	18.250	-	-	88.750	62.125	4.677	-	-	-	-	4.677	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.047	1.370	-	-	-	4.677																	
b	Dự án nhóm B						107.000	18.250	-	-	88.750	62.125	4.677	-	-	-	-	4.677	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.047	1.370	-	-	-	4.677																	
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi			2016-2022	WB	26/12/2016	2198/QĐ-UBND, 08/11/2016	107.000	18.250	-	1,09 triệu USD	88.750	62.125	4.677	-	-	-	-	4.677	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.047	1.370	-	-	-	4.677																
V	DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN QUỐC NGOÀI TRUNG HẠN 2016-2020																																50.000	-	-	-	50.000	Phần khai sau khi đã điều chỉnh												
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019						337.818	18.477	-	-	319.341	319.341	221.770	12.574	-	-	-	209.196	167.291	8.500	-	158.791	68.803	2.500	-	-	-	66.303	-	-	-	-	-	-																
1	Giảm nghèo khu vực Tây Nguyên - tỉnh Sơn Tây, Sơn Tây, Ba Tư			2015-2018	WB	24/4/2014	1534/QĐ-UBND, 23/10/2013	337.818	18.477	-	15.206 triệu USD	319.341	319.341	221.770	12.574	-	-	-	209.196	167.291	8.500	-	158.791	68.803	2.500	-	-	-	66.303	-	-	-	-	-	-	-	-	Đã đề nghị bổ sung vốn trong KH trung hạn												
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019						437.310	75.710	-	-	361.600	361.600	-	-	-	-	-	15.000	15.000	-	-	15.000	15.000	-	-	-	-	2.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-														
1	Khai phục thăm cấp khu vực thăm tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Quảng Ngãi						542/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	437.310	75.710	-	16 triệu USD	361.600	361.600	-	-	-	-	15.000	15.000	-	-	15.000	15.000	-	-	-	-	2.000	2.000	-	-	-	-	-	-	-	Đã đề nghị bổ sung Danh mục trung hạn													